

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NGÀNH THỦY SẢN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN Mã số học phần: 410291

I. Thông tin về học phần

Tên học phần: ANH VĂN KHÔNG CHUYÊN 1

Tên Tiếng Anh: English - Beginner

Đơn vị phụ trách:

- o Bộ môn: Tiếng Anh
- o Khoa: NGOẠI NGỮ

Số tín chỉ: 3 tín chỉ (2 tín chỉ lý thuyết, 1 tín chỉ thực hành)

Phân bố thời gian: 15 tuần (lý thuyết và thực hành xen kẽ)

Học kỳ: 1 (học kỳ I năm thứ 1)

Các giảng viên phụ trách học phần:

- o GV phụ trách chính: Tô Thị Ngọc Huyền (SĐT: 0356015236; Email: ngoz.huyen@gmail.com)
- o Danh sách giảng viên cùng GD: Nguyễn Hiếu Thảo (SĐT: 0979882405 Email:hieuthao872@gmail.com)

Điều kiện tham gia học tập học phần:

- o Môn học tiên quyết: không
- o Môn học trước hoặc song song: không
- o Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên sâu <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Lần biên soạn/hiệu chỉnh

- Lần thứ: 2

- Ngày hiệu chỉnh: 23/5/2018

- Lý do và nội dung hiệu chỉnh:

(a) Thiết kế mới theo chương trình cải tiến AUN-QA (version 2018)

(b) Cập nhật đề cương môn học hàng năm theo Qui định của Trường Đại học Trà Vinh: cập nhật nội dung, PPGD tích cực và Rubric đánh giá.

III. Mô tả học phần

Học phần này giúp S bắt đầu làm quen với tiếng Anh theo đánh giá năng lực Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) ở cấp độ A1 và tiền A2. Sinh viên có cơ hội làm quen với tất cả các kỹ năng của ngôn ngữ như Nghe, Nói, Đọc và Viết. Những kỹ năng này được phát triển qua các chủ đề: friends, shopping, food and drinks, leisure and hobbies, clothes, travel, sport, family, books and studying, language and communication... đồng thời sinh viên cũng được làm quen với các dạng đề thi ở cấp độ A2.

IV. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

* Mục tiêu:

- *Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về:*

Từ vựng, điểm ngữ pháp căn bản, văn hóa của một số nước nói tiếng Anh để giúp sinh viên có thể giao tiếp bằng tiếng Anh thông qua các chủ đề.

- *Kỹ năng về:*

Xác định được nội dung chính của những đoạn hội thoại và mẫu tin ngắn được trình bày xoay quanh các chủ đề giao tiếp hàng ngày; Hỏi đáp và diễn đạt ý kiến, câu trả lời với các cấu trúc: Yes/ No; there is/ there are và các mẫu câu thông dụng, một số thì thường dùng và vốn từ vựng về các chủ đề quen thuộc trong giao tiếp hàng ngày; Xác định ý chính hay ý chi tiết của những mẫu tin, ghi chú ngắn; Viết được ghi chú, email có độ dài từ 25 - 35 từ để trao đổi thông tin, để yêu cầu hay cung cấp thông tin cho người khác; Rèn luyện kỹ năng trình bày trước công chúng thông qua các hoạt động nói trên lớp; kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng lắng nghe người khác.

- *Và thái độ về:* Yêu nghề, ý thức trách nhiệm trong học tập.

* Kết quả học tập mong đợi của học phần:

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau: (*Bảng dưới đây là trích ngang của Matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho ELOs của CTĐT*).

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT										
	Anh văn không chuyên 1	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11
		S	N	N	N	S	S	S	N	N	N	S

N (Nonsupport): No contributions to outcomes

S (Support): Contribution to outcomes

H (Highly support): Contribute more to outcomes

Ký hiệu	KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTĐT
Kiến thức		
CELO 1	Áp dụng được từ vựng, điểm ngữ pháp khá căn bản, văn hóa của một số nước nói tiếng Anh để có thể giao tiếp bằng	ELO 1

	tiếng Anh thông qua các chủ đề gần gũi, quen thuộc (nói, viết, đọc hiểu, nghe hiểu).	
Kỹ năng		
CELO 2	Vận dụng được các chiến thuật để xác nhận nội dung chính của những đoạn hội thoại và mẫu tin ngắn được trình bày xoay quanh các chủ đề giao tiếp hàng ngày.	ELO5
CELO 3	Phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc cặp, nhóm, kỹ năng lắng nghe người khác.	ELO 6
CELO 4	Giao tiếp tiếng Anh cơ bản về chủ đề gần gũi, quen thuộc (nói, viết, đọc hiểu và nghe hiểu)	ELO7
Thái độ		
CELO 5	Có được ý thức tự học hỏi nhằm nâng cao trình độ tiếng Anh để tiếp tục ở bậc học cao hơn.	ELO11

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng kết hợp với audio và video
- Thảo luận theo cặp/nhóm

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên tự đọc tài liệu trước và đặt câu hỏi liên quan đến bài học
- Sinh viên tham gia nghe giảng, xung phong phát biểu, cặp, nhóm

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Sinh viên phải tham dự lớp đầy đủ và làm các bài tập về nhà do giáo viên yêu cầu
- Chuẩn bị cho bài giảng: Sinh viên phải đọc bài trong sách trước khi đến lớp; làm các bài tập nhỏ tại lớp và ở nhà
- Thái độ: tích cực tham gia đọc bài trước, đặt câu hỏi có liên quan đến bài học

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Trọng số

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Điểm quá trình: 100%

❖ *Chuyên cần: 20% (thang điểm 10).* Sinh viên tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp. Thực hiện các hoạt động do giáo viên tổ chức trong quá trình giảng dạy. Nghiệt tinh trong đóng góp xây dựng bài.

❖ *Đánh giá giữa kỳ: 40% (Thang điểm 10- bao sinh viên trước 02 tuần).* Đây là bài kiểm tra do giáo viên trực tiếp giảng dạy thực hiện khi đã giảng dạy được 2/3 thời lượng môn học. *Nội dung kiểm tra giữa kỳ:* Do thi kết thúc môn học không kiểm tra kỹ năng Nói, Nghe và Viết Đoạn Văn, nên yêu cầu giáo viên đánh giá môn Nghe và Viết đoạn văn trong bài kiểm tra giữa kỳ.

❖ *Ván đáp: 40% (thang điểm 10). (Nói theo cặp hoặc nhóm 03 sinh viên - Khoảng 8-10 phút/cặp)* Do giáo viên trực tiếp giảng dạy thực hiện. Các chủ đề trong khóa học.

Điểm kết thúc: 100%

❖ *Bài kiểm tra viết (thang điểm 10):* Gồm có phần Đọc hiểu và Viết, thi trắc nghiệm trên máy.

ĐIỂM TRUNG BÌNH MÔN = ĐIỂM QUÁ TRÌNH + ĐIỂM THI KẾT THÚC

Nội dung đánh giá cuối môn học (*Nội dung cốt lõi, đảm bảo phù hợp với nội dung môn học*)

Tất cả các kết quả học tập thuộc nhóm kỹ năng chuyên môn

VIII. Nội dung môn học

1. Nội dung cơ bản, cốt lõi tối thiểu (chiếm khoảng 80% thời lượng giảng dạy):

Môn học nhằm giúp cho người học có một kiến thức tổng quan về từ vựng, đi kèm ngữ pháp căn bản, văn hóa của một số nước nói tiếng Anh để giúp sinh viên có thể giao tiếp bằng tiếng Anh thông qua các chủ đề.

2. Nội dung cập nhật, giới thiệu thêm (chiếm khoảng 20% thời lượng giảng dạy):

Kỹ năng trình bày trước đám đông, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng ghi chú ý chính.

Phương pháp đánh giá

Chương	CELOs	Hình thức đánh giá	Nội dung đánh giá
Unit 1: Friends	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và thảo luận cặp, nhóm Nghe Nói	Câu hỏi thảo luận: 1. Như thế nào là một tình bạn tốt? 2. Lợi ích của việc có bạn bè tốt là gì? Nghe 5 đoạn hội thoại ngắn và chọn bức tranh phù hợp với nội dung đã nghe. Tạo một đoạn hội thoại sử dụng cấu trúc ngữ pháp để đưa ra lời đề nghị (<i>Why don't we, How about</i>).
Unit 2: Shopping	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và thảo luận cặp, nhóm Đọc Nói	Câu hỏi thảo luận: 1. Kể tên những thứ bạn có thể mua được tại siêu thị bằng tiếng Anh. 2. Ngoài siêu thị, liệt kê những nơi mà bạn có thể mua được các đồ vật đã kể tên ở trên. Đọc các mẫu quảng cáo và thông báo, sau đó chọn câu có nội dung phù hợp. Thực hành với bạn trong lớp các cấu trúc <i>How much, How many</i> để mua bán thứ gì đó.
Unit 3: Food and Drink	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và thảo luận cặp, nhóm Viết Nói	Câu hỏi thảo luận: 1. Kể tên các loại thực phẩm, đồ ăn, đồ uống mà bạn biết. 2. Lợi ích của việc ăn uống đúng giờ và đủ chất. Viết một đoạn văn ngắn khoảng 75 – 100 từ mô tả một lễ hội ăn uống mà

			bạn biết. Thực hành hỏi và trả lời về thời gian.
Unit 4: The Past	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và thảo luận cặp, nhóm Nghe	Câu hỏi thảo luận: 1. Liệt kê quốc tịch của các nước mà bạn biết bằng tiếng Anh. 2. Lợi ích của việc đi du lịch. Nghe một bài nói ngắn về chuyến đi nước ngoài của một du học sinh và trả lời câu hỏi.
Unit 6: Leisure and Hobbies	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và thảo luận cặp, nhóm Nghe Viết	Câu hỏi thảo luận: 1. Liệt kê tên của một số công viên nổi tiếng trên thế giới mà bạn biết. 2. Bạn thường làm gì vào thời gian rảnh? Nghe và ghi chú ý chính về việc bán lại đàn guitar và về hoạt động của một trung tâm thương mại. Viết một đoạn văn ngắn khoảng 35 – 50 từ về một địa điểm vui chơi mà bạn từng đến.
Unit 7: Clothes	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và thảo luận cặp, nhóm Đọc Viết	Câu hỏi thảo luận: 1. Liệt kê tên của một số trang phục, quần áo bằng tiếng Anh mà bạn biết. 2. Bạn thích mặc trang phục như thế nào? Tại sao? Đọc một bài viết về lịch sử hình thành của chiếc áo thun và trả lời câu hỏi. Viết một đoạn văn ngắn khoảng 75 – 100 từ mô tả một số trang phục, quần áo mà bạn đã mua gần đây.
Unit 9 : Travel	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và thảo luận cặp, nhóm Nghe Nói	Câu hỏi thảo luận: 1. Liệt kê tên của một số ngày lễ của Việt Nam bằng tiếng Anh mà bạn biết. 2. Bạn thích đi đâu, làm gì vào kỳ nghỉ? Tại sao? Nghe một bài hội thoại của 4 người về kế hoạch cho kỳ nghỉ sắp tới và trả lời câu hỏi. Tạo đoạn hội thoại dựa vào thông tin cho sẵn trong phiếu mà giáo viên phát.
Unit 12: The Family	CELO1 CELO2 CELO3	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và thảo luận cặp,	Câu hỏi thảo luận: 1. Vẽ sơ đồ các thành viên trong gia đình theo thứ tự từ lớn đến

	CELO4 CELO5	nhóm Nghe Đọc Thuyết trình	<p>nhỏ.</p> <p>2. Gia đình của bạn có bao nhiêu người? Họ là những ai?</p> <p>Nghe một cuộc nói chuyện điện thoại giữa hai cô gái về việc tổ chức buổi tiệc sinh nhật cho ông của họ và trả lời câu hỏi bằng cách khoanh tròn câu trả lời đúng.</p> <p>Vẽ một bức tranh phát họa để giới thiệu các thành viên trong gia đình của bạn, sau đó trình bày trước lớp.</p>
Unit 14: Books and Studying	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và thảo luận cặp, nhóm Nghe Thuyết trình	<p>Câu hỏi thảo luận:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bạn có thích đọc sách không? Tại sao? 2. Lợi ích của việc đọc sách là gì? <p>Nghe một bài nói về một cô gái có mong muốn trở thành diễn viên, ghi chú lại thông tin cần thiết và trả lời câu hỏi.</p> <p>Giới thiệu với lớp một quyển sách mà bạn đã từng đọc.</p>
Unit 15: The World of work	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và thảo luận cặp, nhóm Đọc Thuyết trình	<p>Câu hỏi thảo luận:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kể tên một số nghề nghiệp bằng tiếng Anh mà bạn biết. 2. Nghề nghiệp mà bạn muốn làm trong tương lai là gì? Tại sao? <p>Đọc một bài đọc về cuộc đời của một đầu bếp và trả lời câu hỏi.</p> <p>Giới thiệu về một việc làm bán thời gian phổ biến hiện nay của các bạn sinh viên.</p>
Unit 16: Transport	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và thảo luận cặp, nhóm Nghe Nói	<p>Câu hỏi thảo luận:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kể tên một số phương tiện giao thông bằng tiếng Anh mà bạn biết. 2. Bạn nghĩ như thế nào về vấn nạn kẹt xe hiện nay? Những giải pháp nào có thể góp phần hạn chế nạn kẹt xe? <p>Nghe 5 đoạn hội thoại ngắn và chọn bức tranh tương ứng.</p> <p>Thực hành chỉ đường.</p>
Unit 17: Science and Technology	CELO1 CELO2 CELO3	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và thảo luận cặp,	<p>Câu hỏi thảo luận:</p> <p>Lợi ích của việc phát triển kỹ thuật công nghệ hiện nay.</p>

	CELO4 CELO5	nhóm Đọc Nghe Viết	Đọc một bài viết về Charles Babbage, người đã sáng tạo ra máy chơi game, và trả lời câu hỏi. Nghe một đoạn hội thoại giữa hai người về việc tham dự cuộc triển lãm của James Bone tại Luân Đôn và trả lời câu hỏi. Viết một mô tả ngắn về một đồ dùng mà bạn sử dụng hằng ngày, sau đó đọc to lên để các bạn trong lớp có thể đoán tên của đồ vật này.
Unit 18: Health and Well-being	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và thảo luận cặp, nhóm Nghe Đọc	Câu hỏi thảo luận: 1. Liệt kê các bộ phận của cơ thể con người. 2. Làm thế nào để có thể sống lâu hơn và khỏe mạnh hơn? Nghe một bài nói về một cửa hàng dược phẩm và điều thông tin vào chỗ trống. Đọc một bài viết về những người sống thọ nhất trên thế giới và trả lời câu hỏi.
Unit 19: Language and Communication	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và thảo luận cặp, nhóm Đọc Viết	Câu hỏi thảo luận: 1. Liệt kê một số phương tiện trao đổi thông tin, liên lạc phổ biến hiện nay. 2. Kể tên một số ngôn ngữ được sử dụng ở các nước, quốc gia mà bạn biết. Đọc một bài viết về lịch sử của tiếng Cornwall và trả lời câu hỏi. Viết một email khoảng 75 – 100 từ để thông báo một tin vui cho bạn bè, gia đình.

Bảng 1. Matrix đánh giá KQHTMĐ của học phần

Các KQHTMĐ của HP	Tham gia lớp học và xung phong phát biểu (10%)	Kiểm tra tích hợp trên giấy (20 %)	Vấn đáp (20%)	Thi cuối kỳ (50 %)
CELO1	X	X	X	X

CELO2	X	X	X	X
CELO3	X			
CELO4	X		X	
CELO5	X			

IX. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung chi tiết	KQHTMD của học phần
1	Unit 1: Friends <ul style="list-style-type: none"> Người học sẽ có thể: Áp dụng một số tính từ diễn tả cảm xúc đã học để đưa ra quan điểm về tình bạn. Sử dụng được thì hiện tại đơn với động từ <i>tobe</i>, <i>have</i>, trong văn nói và viết. Nghe và hoàn thành thông tin của đoạn hội thoại, sau đó trả lời câu hỏi có liên quan đến cuộc hội thoại Nhận biết cách phát âm của bảng chữ cái qua phần đánh vần từ vựng Rèn luyện kỹ năng Nghe - part 1: Nghe và chọn tranh phù hợp với đoạn hội thoại. 	CELOs 1, 5,6,7,11
2	Unit 2: Shopping <ul style="list-style-type: none"> Người học sẽ có thể: Liệt kê được tên của một số đồ vật sử dụng hằng ngày và tên của một số nơi mua sắm Áp dụng một số câu hỏi thông dụng trong mua sắm: <i>How much....?</i>, <i>how many...?</i>, các từ chỉ số lượng như <i>some and any</i> trong giao tiếp hằng ngày. Nhận biết âm /a:/, /e/ và /æ/ Viết đúng chính tả khi thêm “s” or “es” ho danh từ số nhiều Rèn luyện các kỹ năng <ul style="list-style-type: none"> + Đọc –Part 1: Đọc mẫu tin ngắn, xác định ý chính của mẫu tin. 1.1 + Nghe – Part 3: Nghe và điền thông tin (bài hội thoại về việc mua sắm tại nhà) 	CELOs 1, 2,3,4,5
3	Unit 3: Food and Drink <ul style="list-style-type: none"> Người học sẽ có thể: Nói về thức ăn yêu thích của bản thân Vận dụng được thì hiện tại đơn với động từ thường, trạng từ chỉ mức độ thường xuyên, cách nói thời gian để nói về thói quen hằng ngày. 	CELOs 1, 2,3,4,5

	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt âm /i/ và /i:/ - Viết đúng dạng rút gọn của trợ động từ và động từ tobe - Rèn luyện các kỹ năng : <ul style="list-style-type: none"> + Nghe – Part 5 : Nghe 1 cuộc hội thoại và nói tên của từng người tương ứng với sở thích ăn uống. + Đọc hiểu – Part 4 : Đọc về lễ hội ở Tây Ban Nha và xác định right/wrong cho từng câu hỏi. + Writing - Part 6 : Đọc định nghĩa và hoàn thành 1 từ với chữ cái đầu và số lượng chữ cái cho sẵn. (Chủ đề về ăn uống). Part 9 : Viết một bức thư ngắn cho người bạn về lễ hội ở nơi mà bạn sống sử dụng điểu ngữ pháp và tự vựng đã học được. 	
4	<p>Unit 4: The Past</p> <ul style="list-style-type: none"> • Người học sẽ có thể: - Học được một số từ vựng về quốc gia, quốc tịch, từ vựng liên quan đến cuộc hành trình - Sử dụng thì quá khứ đơn để nói về các sự việc, hành động đã diễn ra; - Phân biệt âm /d/, /t/, /id/ khi thêm “ed” cho động từ có quy tắc - Viết đúng hình thức thêm “ed” của động từ có quy tắc. - Rèn luyện các kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Đọc hiểu – Part 4: Đọc về các cuộc hành trình dài và xác định right/wrong/doesn’t say cho từng câu hỏi. + Nghe – Part 5: Nghe câu chuyện về chuyến đi đáng nhớ và trả lời câu hỏi ngắn 	CELOs 1, 2,3,4,5
5	<p>Unit 6: Leisure and Hobbies</p> <ul style="list-style-type: none"> • Người học sẽ có thể: - Sử dụng được một số từ vựng để nói về hoạt động trong thời gian rảnh rỗi của bản thân. - Phân biệt được cách dùng so sánh hơn và so sánh nhất - Nghe một cuộc hội thoại và điền thông tin - Đọc và sắp xếp trật tự của một đoạn hội thoại, sau đó nghe để kiểm tra lại - Nhận biết âm /ə/ - Viết đúng chính tả khi thêm “er” và “est” với tính từ ngắn. - Rèn luyện các kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Nói – part 2: Làm việc theo cặp. A : đặt câu hỏi theo gợi ý có sẵn. B : trả lời câu hỏi, không được nhìn vào thông tin của A (và ngược lại) + Đọc – Part 3: Sắp xếp trật tự các ý trong 1 bài hội thoại + Nghe – Part 4 and 5: Nghe cuộc hội thoại và điền vào thông tin còn thiếu (chủ đề về công viên giải trí, bán cây đàn Ghi-ta,..) 	CELOs 1, 2,3,4,5
6	<p>Unit 7: Clothes</p> <ul style="list-style-type: none"> • Người học sẽ có thể: - Sử dụng tính từ để mô tả các loại trang phục - Nhận biết và phân biệt cách sử dụng thể đơn và tiếp diễn (Quá khứ- quá khứ tiếp diễn) thông qua việc kể lại câu chuyện. 	CELOs 1, 2,3,4,5

	<ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng chính tả khi thêm -ing cho động từ - Rèn luyện các kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Đọc – Part 4: Đọc xác định right/wrong/doesn't say cho từng câu hỏi (chủ đề về lịch sử của áo thun). Part 3 : Chọn câu trả lời đúng (A, B, C) để hoàn thành cuộc hội thoại. + Nghe để lấy thông tin + Viết - Part 7 : điền một từ vào mỗi chỗ trống trong bài email hoặc lá thư sao cho thích hợp. 	
7	<p>Unit 9 : Travel</p> <ul style="list-style-type: none"> • Người học sẽ có thể: - Sử dụng thì tương lai với <i>will</i> và <i>going to</i> kết hợp với từ vựng để xây dựng kế hoạch cho kỳ nghỉ và nói lên dự định du lịch trên không trung trong tương lai. - Nhận biết cách phát âm khác nhau của âm /h/ ở các vị trí khác nhau trong 1 từ, cách viết khác nhau đối với các từ tận cùng bằng "y". - Rèn luyện các kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Đọc – Part 3: Chọn câu trả lời để hoàn thành cuộc hội thoại + Viết – Part 7: Đọc bài báo về kỳ nghỉ và viết câu hỏi dựa vào câu trả lời được cho sẵn + Nói: part 1 and 2: Làm việc theo cặp. A : đặt câu hỏi theo gợi ý có sẵn. B : trả lời câu hỏi, không được nhìn vào thông tin của A (và ngược lại) 	CELOs 1, 2,3,4,5
8	<p>Unit 12: Places and Buildings</p> <ul style="list-style-type: none"> • Người học sẽ có thể: - Liệt kê được các thành viên trong gia đình, từ đó tự vẽ “Family tree” trong gia đình mình. - Nhận biết và phân loại đại từ, tính từ sở hữu, đại từ sở hữu, sở hữu cách - Phân biệt âm / au/ và / ɔ:/ - Viết chính tả với các từ tận cùng -le - Rèn luyện các kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Nghe – Part 3: nghe cuộc hội thoại dài, chọn đáp án đúng A,B,C (Nghe một cuộc hội thoại diễn tả về buổi tiệc của người thân trong gia đình) + Đọc 4: Đọc xác định right/wrong/doesn't say cho từng câu hỏi (Đọc ý kiến của một số người về cách hòa nhập trong một gia đình đông người và ít người) 	CELOs 1, 2,3,4,5
9	<p>Unit 14: Books and Studying</p> <ul style="list-style-type: none"> • Người học sẽ có thể: - Sử dụng thành thạo vị trí của tính từ trong câu - Nghe và nói về môn học yêu thích ở trường sử dụng cấu trúc “rather than” và các từ vựng về môn học. - Nhận biết silent consonants - Rèn luyện các kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Đọc – Part 3: Multiple choice 	CELOs 1, 2,3,4,5

	<ul style="list-style-type: none"> - Chọn câu trả lời đúng để hoàn thành 5 cuộc hội thoại ngắn - Chọn câu trả lời đúng để hoàn thành 1 cuộc hội thoại + Nghe và hoàn thành thông tin còn thiếu <p>Midterm Test</p>	
10	<p>Unit 15: The World of work</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng thành thạo thì và từ vựng để nói về nghề nghiệp - Đọc các mẫu quảng cáo về công việc bán thời gian và hỏi đáp về công việc yêu thích của mình. - Nhận biết cách dùng và áp dụng thì hiện tại hoàn thành với <i>just, yet</i> để chia sẻ về kinh nghiệm của mình khi làm một việc gì đó. - Phân biệt âm /θ/ và /ð/ - Viết đúng từ vựng về nghề nghiệp tận cùng với “or” hay “er” - Rèn luyện các kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Đọc – Part 4: bài báo mô tả về công việc của một người nổi tiếng và làm chọn câu trả lời đúng cho từng câu hỏi. + Nghe – Part 3: nghe cuộc hội thoại dài, chọn đáp án đúng A,B,C (Nghe một cuộc hội thoại diễn tả về một nghề) + Viết - Part 8 - Information transfer: Đọc bài email, tin nhắn, mẫu quảng cáo cho sẵn và hoàn thành thông tin. 	CELOs 1, 2,3,4,5
11	<p>Unit 16: Transport</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên các loại phương tiện và sử dụng đúng collocation với từng loại phương tiện - Phân biệt đúng chức năng và cách dùng của động từ khiếm khuyết (<i>Modal verbs: probability và possibility</i>); - Sử dụng từ vựng và giới từ chỉ vị trí để chỉ ra một địa điểm cụ thể - Nghe và chọn tranh phù hợp với đoạn hội thoại (chủ đề về phương tiện giao thông). - Học được cách đặt dấu nhấn của từ khóa trong 1 câu. - Không nhầm lẫn giữa “i” và “e” - Rèn luyện các kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Nói – Part 2: Làm việc theo cặp. A : đặt câu hỏi theo gợi ý có sẵn. B : trả lời câu hỏi, không được nhìn vào thông tin của A (và ngược lại) + Nghe – Part 1: Nghe và chọn tranh phù hợp với đoạn hội thoại. 	CELOs 1, 2,3,4,5
12	<p>Unit 17: Science and Technology</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học được các từ vựng về máy tính và công nghệ - Sử dụng thành thạo một số collocations với động từ <i>get, make, watch và see</i> - Vận dụng “Động từ nguyên mẫu có <i>to</i> và không <i>to</i>” để hỏi đáp lý do tại sao bạn làm một điều gì đó. - Nhận biết cách phát âm dạng rút gọn của từ - Nhận dạng lỗi sai chính tả và dấu câu thông qua việc sửa lỗi bài email mẫu - Rèn luyện các kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Đọc - Part 5 : Đọc bài báo và chọn đáp án A, B hoặc C 	CELOs 1, 2,3,4,5

	+ Nghe - Part 3: Nghe cuộc hội thoại dài, chọn đáp án đúng (A,B,C)	
13	<p>Unit 18: Health and Well-being</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên được một số căn bệnh, các bộ phận trên cơ thể người; - Xác định đúng vị trí của trạng từ chỉ thời gian trong câu - Học được hình thức và cách dùng của “Câu điều kiện loại 1”. - Thực hành “linking sounds” với các mẫu câu đơn giản - Nhận biết cách viết của một số từ không gấp đôi phụ âm cuối khi thêm “ed”, “er” or “est” - Rèn luyện các kỹ năng về chủ đề liên quan: <ul style="list-style-type: none"> + Viết - part 6: Đọc định nghĩa và hoàn thành từ với chữ cái đầu và số lượng từ cho sẵn. Part 9: Viết một email, ghi chú cho người bạn về cách làm sao để có sức khỏe tốt (25-35 từ) + Đọc – Part 3: Đọc, nối câu phát biểu và lời đáp tương ứng. Part 4: Đọc bài đọc và chọn Right/Wrong/Doesn’t say + Nghe – Part 5: Nghe và điền thông tin vào chỗ trống 	
14	<p>Unit 19: Language and communication</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được tên quốc gia, ngôn ngữ và quốc tịch tương ứng - Sử dụng đúng giới từ chỉ thời gian và giới từ chỉ nơi chốn - Rèn luyện các kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Nghe – Part 2: Nghe và nối cách giao tiếp với đối tượng khác nhau + Đọc – part 5: Đọc bài báo và chọn đáp án A, B hoặc C. + Viết – part 7: điền một từ vào mỗi chỗ trống trong bài email hoặc lá thư sao cho thích hợp. Part 9 – short message: Viết một email, ghi chú, postcard mời người bạn đi chơi, xem phim hay dự tiệc. (25-35 từ). 	CELOs 1, 2,3,4,5
15	Ôn tập và thi vấn đáp	

X. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

- Capel, A., & Sharp, W. (2005). Cambridge English: Objective KET. Cambridge: Cambridge University Press

XI. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành: phòng học, phòng lab
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, máy chiếu, loa

ĐH Trà Vinh, ngày 5 tháng 8 năm 2018

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

Chủ nhiệm
TRƯỞNG KHOA

Phương Nam

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Tô Thị Ngọc Huyền

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần và tham dự các hoạt động trong lớp (10%)

Tiêu chí	Trọng số 10 (%)	Tốt 20 %	Khá 15%	Trung bình 10%	Kém 0%
Thái độ tham dự	5	Tích cực tham gia các hoạt động	Có tham gia các hoạt động	Ít tham gia các hoạt động	Không tham gia các hoạt động
Thời gian tham dự	5	Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp	Vắng 1-3 buổi	Vắng 4-5 buổi	Vắng từ 6 buổi trở lên

Rubric 2: Đánh giá kiểm tra giữa kỳ-Midterm (40%)

Tiêu chí	Điểm (thang điểm 10)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Nghe	3	Trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng đa số câu hỏi dựa trên số câu trả lời đúng (75% trên tổng điểm toàn phần)	Trả lời đúng đa số câu hỏi dựa trên số câu trả lời đúng (50% trên tổng điểm toàn phần)	Trả lời sai tất cả các câu hỏi hoặc không tham gia hoạt động kiểm tra
Đọc	4	Trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng đa số câu hỏi dựa trên số câu trả lời đúng (75% trên tổng điểm toàn phần)	Trả lời đúng đa số câu hỏi dựa trên số câu trả lời đúng (50% trên tổng điểm toàn phần)	
Viết	3	<i>Bài viết có cấu trúc logic-mạch lạc, nội dung chính xác thuyết phục; Sử dụng từ ngữ sinh động, lôi cuốn.</i>	<i>Bài viết có cấu trúc logic-mạch lạc, nội dung chính xác; Sử dụng từ ngữ cẩn thận, chính xác.</i>	Bài viết sử dụng từ ngữ hoặc cấu trúc ở mức hạn chế, nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu của đề viết.	<i>Bài viết sử dụng từ ngữ hoặc cấu trúc không rõ ràng, không đáp ứng yêu cầu của đề viết; Hoặc không tham gia hoạt động kiểm tra</i>

Rubric 3: Kiểm tra Văn답 (40%)

Tiêu chí	Tỉ lệ phần trăm	Mức độ			
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
<i>Fluency and Coherence (trôi chảy & mạch lạc)</i>	10%	10->8%	8->6%	6->4%	4-0%
<i>Lexical Resources (khả năng sử dụng ngôn từ)</i>	10%	10->8%	8->6%	6->4%	4-0%
<i>Grammar Range and Accuracy (ngữ pháp)</i>	10%	10->8%	8->6%	6->4%	4-0%
<i>Pronunciation (phát âm)</i>	10%	10->8%	8->6%	6->4%	4-0%
	40%				